

Bài 98. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Loài Người | Sư Giác Nguyên giảng 31/07/2018

Nội dung kinh nói về bốn điều đặc biệt của Ngài Anan. Xin xem đoạn cuối kinh Đại Bát Niết Bàn, Trường Bộ. Nhìn kinh này nhớ kinh kia, cho nó quen. Bởi vì bốn đoạn ở trong đây là được lấy ra từ trong Trường Bộ Kinh.

Nói đến bốn điều đặc biệt của Ngài A Nan: Tứ chúng đối với Ngài A Nan họ có ba điều kỳ diệu nên kinh kể có bốn.

Một, các Tỳ kheo rất là hoan hỷ khi gặp mặt Ngài.

Hai, hoan hỷ khi nghe Ngài nói pháp.

Ba, khi Ngài im lặng thì họ tiếc nuối, khát khao.

Tứ chúng gồm có: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, thiện nam, tín nữ.

Ở đây trong chú giải nói: khi gặp mỗi hội chúng, Ngài A Nan có một cách tiếp xúc khác nhau. Chỗ này có một chuyện hơi đặc biệt nè: lâu lâu ở trong đời của mình mới gặp được một người mà có thể giống như vậy. Vì thông thường tuyệt đại đa số chúng ta hay dãi bôi, tiếng Việt Nam hay nói là bải bôi, thảo mai. Nghĩa là gặp ai mình cũng hay vui vẻ, ân cần, ngọt ngào, niềm nở, nhiệt tình hỏi thăm, mà mình tưởng đó là hay. Nhưng mà thật ra cái đó là dờ ọc. Cái đó không phải là pháp hiền trí.

Bậc trí trong Phật pháp phải là: tùy đối tượng, tùy thực khách, tùy khẩu vị mỗi người mà dãi ăn khác nhau. Chứ không phải như người bình thường của mình là: “Sao má, khỏe không con?”, “Sao rồi, anh chị nhà khỏe không em?”, rồi “Lúc này trời nắng nóng quá”, “Lúc này thấy lạnh quá”, “Lúc này thấy em mập ra”... Đại khái là mình cứ vòng vòng ba cái vụ gia đình, rồi sức khỏe, rồi công việc như vậy thôi. Đó là cái cách của người không phải bậc hiền trí. Có nghĩa là những người sống theo lối mòn.

Còn cái cỡ như Ngài Anan thì không có vụ như lối mòn, mà tùy khẩu vị của mỗi thực khách mà Ngài có cách đãi ăn khác nhau hết. Cho nên ai đến gặp Ngài, khi đi về họ cũng no hết, no mà còn thòm thèm nữa. Khi mà Ngài im lặng thì họ có cảm giác như đang ăn mà bị dẹp, bị dọn cái mâm đi vậy đó.

Cho nên trong đây Đức Phật Ngài dạy: Anan giống như vị Chuyển Luân Vương ở điểm là khi nhìn thấy Anan là người ta đã thấy hoan hỷ rồi, khi nghe Anan nói chuyện là người ta đã thấy hoan hỷ rồi, mà khi Anan im lặng thì cái lòng người ta chưa có đã, chưa có thỏa mãn. Tức là thấy Ngài im lặng, người ta thấy tiếc tiếc vì sao Ngài không nói nữa. Ba điều này ở trong bốn chúng, thành ra là bốn điều.

Bài kinh này nếu chỉ đọc trên mặt giấy thì không thấy gì hết, nhưng ý nghĩa của nó thì sâu vô cùng. Sâu ở chỗ là phải học Ngài Anan ở chỗ này: tùy khẩu vị thực khách mà ta đãi món gì, đãi bao nhiêu, đãi kiểu nào.

Có những thực khách bị tiểu đường, cao máu, cholesterol. Có khách họ xài răng giả, móm mém, chỉ có cái lợi không à. Hoặc có những thực khách người ta thích ăn nóng, có những thực khách thích ăn nguội một tí, có những thực khách thích ăn lỏng, có nước, có những thực khách họ thích ăn đồ khô... Ngài tùy khẩu vị của mỗi người mà Ngài có cách thuyết pháp và kiểu thăm hỏi khác nhau.

Trong chú giải có nói đặc biệt lắm: có nghĩa là khi Ngài gặp chư Tăng thì Ngài sẽ hỏi những đề tài mà Ngài không hỏi bên Ni. Khi gặp bên Ni thì Ngài hỏi những đề tài rất đặc biệt dành riêng cho Ni, để cho họ thấy Ngài thật sự có sự ân cần, thực sự thấy sự quan tâm, thực sự thấy họ là quan trọng, thực sự là có lưu ý đến cái lợi ích của họ.

Họ thấy đó mới đúng là lòng bi mẫn, và họ nghe Ngài nói, ở đó có từ bi, trí tuệ. Có từ bi là vì Ngài có nghĩ tới họ, nghĩ một cách tới nơi tới chốn. Còn trí tuệ là bởi vì rõ ràng Ngài biết lựa món Ngài đãi mà, không có trí thì làm sao làm được cái này.

Cho nên đời sống của người trong Phật pháp là phải có từ bi và trí tuệ. Chính từ bi, trí tuệ đã làm nên sức hút khó tin và khó cưỡng ở Ngài Ananda.

Trong khi thời Đức Phật có biết bao nhiêu vị hiền thánh các vị biết không? 47 vị Đại Thánh Thinh Văn đều là 100.000 đại kiếp hết. Tướng hảo quang minh, thần thông trí tuệ lỗi lạc xuất chúng, siêu quần bạt tụy. Nhưng riêng Ngài Anan có những tính rất là đặc biệt, rất là độc đáo. Là vì thánh nào cũng có từ bi và trí tuệ, nhưng kiểu của Ngài nó hơi ngộ ngộ. Chính vì cái ngộ ngộ như vậy, Ngài mới được Đức Phật gọi là người có những pháp kỳ diệu.

Ở đây không có phù phép gì hết, đơn giản là do hai cái hạnh lành đó là từ bi và trí tuệ. Có từ bi nên mới quan tâm đến lợi ích của người ta. Còn có trí tuệ là biết cái cách làm sao đem lại cái lợi ích đó cho người ta.

Do bi mẫn mà nghĩ đến lợi ích của người, do trí tuệ mà biết làm sao để kẻ kia được lợi ích. Do từ bi mới có ý đãi ăn, do có trí tuệ mới đãi đúng món.

Có nhiều trường hợp. Ở Virginia là một trong những tiểu bang giàu nứt vách ở Mỹ. Vậy mà mỗi lần tôi về tôi sợ xanh mặt các vị biết không? Phật tử ở đó họ giàu lộng lẫy luôn. Có một điều độc đáo là ở đó có một lượng Phật tử cực đoan về vấn đề thực phẩm. Họ có một kiểu thực dưỡng ăn uống rất khắc khổ theo phương pháp của Ohsawa. Ngày như vậy là ăn bao nhiêu âm, bao nhiêu dương gì đó. Họ nói với tôi là: “Con thương sư lắm, con muốn cho sư khỏe.”

Đồng ý là tui mang ơn dữ lắm, nhưng mà bữa đó tui nói thiệt: “Cô ơi là cô, cô thương tui kiểu này chắc tui chết á. Chứ ở chỗ khác tui đói bụng ở đâu là người ta dọn. Còn ở đây tui đói mà tui nhớ tới mâm ăn là tự nhiên tui không có nuốt nước bọt, mà tui chỉ muốn gạt lệ thôi cô biết không?”

Họ không cho dầu, mỡ, nướng, chiên. Bởi vì nó nấu càng healthy, lành mạnh chừng nào thì nó càng khó gặm, khó nuốt chừng đó.

Tôi nói: “Quý vị có từ bi nhưng làm ơn có cái trí tuệ một tí chứ.” Tôi nói mà khổ quá kiểu này, bữa nay tôi nói cho bà con là tui trốn cái lớp học sắp tới vào tháng 8 nè. Không phải vì vấn đề ăn uống nó quan trọng, mà các vị tưởng tượng một tháng ở đó

tui ăn cái gì? Cứt su hào, xà lách, cái giống gì cũng đem đi hấp, đậu hấp, cơm hấp. Dọn lên mà tui lấy cái đĩa tui lừa qua lừa lại, mình lấy cái đĩa mình khều là đã nản rồi, huống gì bỏ vào miệng. Tui nhai cả buổi mà không biết làm sao mà nuốt, giống mấy thằng nhóc biếng ăn mà nó ham chơi vậy đó. Tui cứ nhai hoài, nhai hoài mà suy nghĩ cách nào để mà nuốt đây trời. Cuối cùng em dọt luôn, vì sợ quá.

Ở đó coi như cảnh đẹp, khí hậu dễ thương, người cũng dễ mến, mà có điều tui gặm không vô.

Sẵn ở đây tui nói luôn ở đây là vì sao tui có cái mộng ước,

Có một khát khao, một ước ao là 55 tuổi về Miến Điện có một trú xứ Việt Nam. Là sao? Là bởi vì không riêng tui, mà có nhiều lắm những người Việt Nam muốn về bỏ xác bên Miến Điện, muốn có chỗ tu thiền, muốn lắm. Nhưng mà ai cũng nói với tui câu này: “Đồ ăn Miến Điện nuốt không vô, sư ơi.” Không ăn đậu không phải là Mễ, không đi trễ không phải Việt Nam, không nguội lạnh không phải là Miến Điện.

Cho nên mình thương người ta là bi mẫn, nhưng mình phải biết đãi người ta ăn cái gì đó là trí tuệ. Đây là nói ẩn dụ thôi, chứ không là nhiều vị xắn tay áo lên nhảy vô cãi: “Nói tu là phải kiêng khem, khổ ải, thanh bần, bần tăng khổ hải...” Đó là nói dóc. Chứ mà gắt khó quá, tui về kỳ vừa rồi một tháng mà tui mất 5 ký. Bình thường cái bụng tui nó cũng to lắm, nhưng về đó một tháng là cái bụng tui nó biến mất luôn. Tui về châu Âu thì các vị Phật tử họ nhìn mình, họ biết hình như cái bụng của sư nó mất rồi. Tui nói không biết nên buồn hay vui, bởi vì mất 5 ký thì cái đường nó cũng xuống, bụng nó cũng mất, người nó dong dai nhẹ nhàng, nhưng mà thấy làm như nó hơi phiêu diêu miền cực lạc sao đó.

Nên sẵn ở đây nói về Ngài Anan thì tui nói luôn. Mình cần một trú xứ bên Miến Điện là để mình có thể xào, nấu gì đó. Dĩ nhiên bà con kappiya là người hộ trì, họ chịu trách nhiệm. Mỗi ngày mình cứ ôm bát, mình đi ngang đó, mỗi ngày họ liệng cho mình ít đồ ăn Việt Nam cho mình về mình tự xử. Chứ đồ Miến Điện thì tui nghĩ buổi

đầu mình cũng sung, nhưng mà mình sung chừng một tuần lễ là mặt mũi xanh lè, hỏi đăc cái gì nổi mà đăc. Cho nên thôi đi, chắc có lẽ mình phải theo trung đạo mình sống mới nổi.

Ở đây điểm đặc biệt của Ngài Anan là cái gì? Luôn nghĩ đến lợi ích người ta bằng lòng bi mẫn và có trí tuệ. Ngài biết nên đăi cho người ta cái gì, nên nói cho người ta nghe cái gì, nên hỏi người ta cái gì, và nên đăp cho người ta kiểu gì. Đây là những điều kỳ diệu của Ngài Anan mà nếu chỉ liếc trên mặt giấy thì mình thấy cũng thường thôi. Nhưng mà không! Nó sâu kinh dị lắm.

Tiếp theo là Kinh Vi Diệu (4).

Nội dung y chang, mà nói về vua Chuyển Luân Vương. Vua Chuyển Luân cũng có cách tiếp xúc quyến rũ, khó cưỡng đối với bốn đối tượng gồm: Sát-đế-ly, vua chúa; Sa-môn; Bà-la-môn; gia chủ, tức doanh nhân, thương gia. Với mỗi đối tượng thì Ngài cũng có một cách phù dụ, lời nói người trên ban cho người dưới, hỏi han, trò chuyện khác nhau theo cách thích hợp cho từng hội chúng.

Nội dung y chang như vậy, nghĩa là: có từ bi ta mới có thiện chí, có trí tuệ ta mới biết cách thực hiện thiện chí. Hai cái bài này nó sâu kinh hoàng lắm, bởi vì không đơn giản kể về những điểm đặc biệt, mà ở đây lưu ý mình sống. Mỗi người ở đời đều có hai cách sống: lợi và hại đối với đời. Hại như con kiến, con muỗi, con rắn, con cạp. Và lợi như: một đóa hoa, một làn gió, một tia nắng, một hồ nước, giếng nước, núi cao, biển rộng... Tùy mỗi người mà ta có cách sống lợi hay hại cho đời. Mà hại ở mức độ nào, sống lợi ở mức độ nào.

Tôi chốt bài kinh này lại bằng một câu như thế này: phải có tấm lòng của biển ta mới có đủ lực để trao ra những cơn gió và những cơn sóng cho đời. Nếu chỉ là cái ao tù thì ta chỉ có tí mùi khó ngửi để gửi về nhân gian mà thôi.

Như hôm qua tôi nói, có người chỉ như con kiến, tức là nó bé mọn, chỉ đủ sức làm phiền người khác thôi. Nhưng mà dù sao con kiến nó cũng đỡ phiền hơn con muỗi.

Có người còn nguy hiểm hơn con kiến hay con muỗi. Bởi họ là con rắn, cạp, trăn, beo; khi họ là một bụi cỏ gai độc... Ví dụ như vậy. Tùy mỗi người, tùy tâm tư, năng lượng, năng lực, trình độ... mà ta có hại hay có lợi cho đời. Tùy mức độ, hại cũng có nhiều cấp độ, mà lợi cũng có nhiều cấp độ, tùy mình lựa thôi.

Quý vị nhìn quanh thiên nhiên, có những cái có hại cho mũi, mắt, tai của mình. Rồi có những thứ trong thiên nhiên rất là dễ thương, có lợi cho mắt, mũi, tai, lưỡi... của mình. Đây là những bài học thiên nhiên nó rất gần với mình. Cứ nay mai bước vào khu rừng cứ nhớ, bữa hôm có giảng, ông nói là: mình sống sao để mình có lợi cho đời. Dầu là một cái hoa lục bình tím tím trên sông, nó cũng là một kiểu đóng góp cho đời. Một chút gió mát trên sông, một chút hoa cỏ dại, một cái trái chanh, ớt trong vườn. Một trái sầu riêng, trái chôm chôm... tất cả cũng là một sự đóng góp cho đời.

Hay là giờ ta sống theo kiểu con ruồi, muỗi, kiến, thằn lằn, rắn mối... tùy mình thôi, mình cứ nhìn thiên nhiên mà mình nhớ. Ờ ha! Ngài Anan giống vị Chuyển Luân Vương ở điểm: sống có hy hiến, phụng sự, đóng góp, sống có trao ra. Vì đời sống không chỉ có nhận mà phải có trao. Trao một cách thông minh: từ bi và trí tuệ. Từ bi là biết nghĩ đến lợi ích của người. Trí tuệ là biết cách thực hiện điều đó.

Tiếp theo là Phẩm Loài Người. Kinh Kiết Sử.

Kinh này là nói về bốn tầng Thánh. Kinh nào của Phật cũng sâu, có điều: ta được nghe giải thích thế nào? Ta suy tư như thế nào? Ta ghi nhớ và thấm thía như thế nào? Đó là ta, chứ kinh nào cũng sâu hết.

Thuở nào còn phàm phu thì ta mù tịt về Bốn Đế. Ta không biết hai cái chuyện rất đối căn bản đó là: ta không ngờ được rằng tất cả mọi thứ trên đời, gồm những gì ta gọi là hạnh phúc hay đau khổ, đều chỉ là khổ hết. Gián tiếp hay trực tiếp, khó thấy hay dễ thấy, chỉ vậy thôi, nhưng mà tất cả suy cho cùng cũng đều là khổ hết.

Cái ngọt là gốc của khổ là vì sao? Vì cái ngọt khó tìm lắm, đi tìm được cái ngọt là một hành trình. Có nó rồi mà giữ chặt nó, ghì chặt, siết chặt được nó cũng là một cái

gian khổ khác. Giữ nó hết sức mà giữ không được, mà nó mất đi, lại cũng là một cái khổ khác nữa. Cái đắng khổ là đương nhiên, gánh chịu nó cũng là khổ, tránh nó không được cũng khổ. Như vậy đắng hay ngọt đều là khổ. Các vị đã hiểu vì sao Đức Phật Ngài dạy mọi thứ trên đời đều là khổ chưa? Bởi vì đời sống này chỉ là hạnh phúc và đau khổ thôi.

Như vậy, muốn không được là khổ, được rồi phải giữ cũng khổ, giữ không được càng khổ. Do vậy, đắng cũng là khổ mà ngọt cũng là khổ. Mà vì suốt nhiều kiếp luân hồi ta không hiểu được cái chuyện này: “Mọi thứ là khổ. Thích cái gì, ghét cái gì, đầu tư cái gì cũng đều là trong khổ hết.” Do không hiểu cái này nên ta mới trốn khổ tìm vui bằng vô vàn phương tiện.

Kẻ thì đi làm bao cái chuyện ác ôn, cô đồ để mà sung sướng. Khi cái quả xấu nó trở thì sa đọa bốn đường. Còn có kẻ trốn khổ tìm vui bằng cách là tu tập các hạnh lành, công đức.

Sanh về các cõi nhân thiên, sống mãn thọ trên đó cũng rút một cái đòn xuống lại đơn vị gốc.

Một ngày kia, khi mà ta đã có đủ trí tuệ để biết chán sợ sanh tử. Nhờ đâu ta biết? Là ta phải có một chỗ ở thích hợp, ở đó ta mới gặp được minh sư thiện hữu, người ta mới dạy cho mình nghe, mình biết. Từ cái nghe, cái biết đó, cộng với sự nỗ lực tu tập các hạnh lành, các công đức, sẽ có một ngày mà ta chứng thánh.

Bốn tầng thánh

Bây giờ mới bắt đầu vào nội dung bài kinh. Chứng thánh gồm bốn bước.

1. Sơ quả

Sơ quả thấy rõ bốn đế là gì nhưng vẫn chưa rõ ráo, nên chỉ là bỏ được hai phiền não: thân kiến và hoài nghi.

Thân kiến là chấp thân tâm này là của tôi, tôi có thân tâm này, thân tâm này là tôi, là của tôi. Tôi là Lê Văn Tèo, con mắt này là của tôi, buồn vui này là của tôi. Gia đình, danh dự, tiếng tăm, tai tiếng này là của tôi. Tôi đang bị khổ, tôi đang được sướng. Vị Tu-đà-hoàn không nghĩ như thế nữa, vị ấy đã từ bỏ thân kiến rồi.

Hoài nghi là vị này không còn hoang mang, nghi hoặc, ngờ vực khi nghĩ về thế giới. Trước đây chưa là thánh thì mình cứ suy nghĩ: “Hồi đó kiếp trước mình ở đâu hả ta? Bây giờ mình chết mình đi đâu hả ta?” Lúc nào mình cũng nghĩ về mình và về thế giới này trong cái nhìn hạ chấp.

Cho nên bên cạnh thân kiến luôn luôn có ông đi chung là hoài nghi. Lẽ ra mình phải hiểu: mình do nhân duyên mà mình có mặt, rồi cũng sẽ do nhân duyên mà mình tìm về một phương trời nào đó. Mà dầu sanh ở cảnh giới nào, phương trời nào thì mọi thứ do duyên mà có rồi cũng do duyên mà mất. Nhờ hiểu được những cái này nên vị đó không còn thắc mắc, nghi hoặc, hoài nghi về bản thân, thế giới, vũ trụ nữa.

Biết rõ bốn đế nhưng lòng còn chút vương vấn các trần, kiểu như một người xuất viện mà lòng còn tiếc nuối hoa thơm trong bệnh viện. Nhiều khi mình còn luyến lưu cô y tá nữa.

Tôi còn biết có một chuyện. Có một vị thầy bên Mỹ, do bị bệnh hay tai nạn gì đó cũng nặng, mới nằm vô trong bệnh viện cả tháng. Rồi mới mướn cô y tá người Việt, lúc nào cũng mềm mỏng, nhỏ nhẹ, dễ thương, tỏ ra thông cảm, lắng nghe... Làm sao tới hồi xuất viện rồi thì nó hết cái bệnh này, mớ mắc qua cái bệnh khác. Ông thầy coi như là: “Ngày mai trong đám xuân xanh ấy, có kẻ theo đời bỏ cuộc tu.”

Có nghĩa là vô bệnh viện nó ớn, mà không ngờ vị này đã tìm thấy trong cõi chết một con đường sống. Thấy chỗ điêu tàn hoang phế ấy một nụ hồng, và khi xuất viện vị này đã công theo cô y tá. Và cho tới bây giờ coi như là cuộc tình cực đẹp. Mỗi lần nhắc tới mình vừa ghen tỵ vừa ngưỡng mộ.

Vị Tu-đà-hoàn cũng như vậy đó. Nhưng vị thầy này tui kể thì hơi tẻ, bởi vì ra luôn. Còn vị Tu-đà-hoàn thì không đến nỗi tẻ như vậy. Vị này chỉ là bệnh nhân xuất viện, mà khi đi rồi thì cái lòng nó cũng còn một tí gì đó nấn nịu, nấn ná. Đi hơi chậm bước chút, thay vì người nhà giục: “Lên xe, lên xe.” Thì người này nói: “Khoan, chờ chút”, móc cái phone ra chụp vài kiểu để tối về coi. Tức là vị Tu-đà-hoàn còn đứng selfie trước cổng bệnh viện rồi mới chịu đi.

2. Tăng nhị quả

Tăng nhị quả, Tư-đà-hàm, giảm nhẹ dục ái và sân, chỉ còn trở lui cõi dục một lần nữa thôi.

Mình thấy vị nhị quả là đi xa hơn một bước. Có nghĩa vị Tu-đà-hoàn chỉ cắt đứt thân kiến và hoài nghi. Nhưng cái vị Tư-đà-hàm là vị đó bỏ thêm một bước nữa, nghĩa là giảm nhẹ dục ái và sân. Dục ái là đam mê trong dục, sân là bất mãn trong dục.

Khi không còn đam mê thì lấy gì để bất mãn? Chỗ này nó sâu kinh dị lắm, bởi không đến bờ mà lặn không đến đáy là chỗ này. Khi ta còn thích nhiều thì còn ghét sợ nhiều. Đây là cái luật tự nhiên. Có nghĩa là mình còn thương thích nhiều thì mình còn ghét sợ nhiều. Vị thánh là lòng của vị ấy không còn cái gì để mà thương thích, cho nên vị ấy cũng không còn cái gì để ghét sợ.

Càng ghét cái nóng nực chừng nào thì càng khoái cái mát mẻ chừng đó. Càng thích ấm áp chừng nào thì càng ghét cái lạnh lẽo chừng đó. Ăn uống mà kẻ nào càng kén chọn nhiều chừng nào, tới lúc gặp hoàn cảnh thì khổ dữ lắm.

Ngày tôi còn bé, thời vượt biên còn rầm rộ, tôi có được nghe một câu chuyện của anh Ba Tàu đi vượt biên. Mà lúc anh bị bắt, không biết ai bày anh mà anh giấu được hai chiếc nhẫn trong chỗ kín, mà hên là anh không bị phát hiện. Anh ăn cực như mấy người tù trong đó không có được, cuối cùng anh lấy hai chiếc nhẫn ra để đưa cho cô vợ của ông quản giáo hay đi ra đi vào tù. Ở đây là tù địa phương nên người ngoài cũng có thể đi ra đi vào được.

Thì cô vợ ông quản giáo lấy cái tiền đó để đi chợ nấu cho ông ăn riêng. Những người tù mà đi chung với ông về kể cho tui nghe. Nó ăn sướng đến mức mà ở trong tù nó trao thực đơn cho bà kia mà mình nghe mình nổi tóc gáy. Lúc mình chưa bị tù là mình đã không được ăn như nó. Còn bây giờ nó vô tù mà nó kêu bà mua những món này món kia cho nó ăn.

Điều đó cho thấy rằng, khi mà mình càng có nhiều cái thích thì khi mà mình đụng chuyện, sẽ có nhiều cái làm cho mình khổ. Đó là cái luật. Người nào khoái chán êm nệm ấm thì mai này mà gặp giường tre chiếu rạ là chịu không nổi. Nhớ cái đó. Bởi vì càng có nhiều đam mê thì nó sẽ có nhiều sự bất mãn.

Thương cho nhiều, hận cũng lắm. Nhiều người xác bác xang bang chỉ vì một người tình dám yêu dám hận. Tui chưa là gì hết mà mỗi lần nghe tới đó là tui lạnh xương sống, nổi da gà mà. Cái thứ mà dám yêu dám hận, nó mà đã ra đòn rồi là chỉ có Vương Trùng Dương chân nhân mới cứu nổi thôi, chứ không ai cứu nổi hết á. Cho nên khi mình đắc nhị quả rồi thì mình giảm cái dục ái, tự nhiên nó giảm luôn cái sân.

3. Tầng tam quả

Tầng tam quả dứt hẳn dục ái và sân, không còn khả năng tâm lý để quay lui cỗi dục nữa nên gọi là bất lai.

Có nghĩa là vị nhị quả là giảm nhẹ nên còn có thể quay lại một lần nữa. Nhưng riêng vị A-na-hàm thì không. Vị này tuyệt đối không còn thích, không còn mảy may, tơ tóc cũng không.

Người không còn dục ái và sân, dầu chưa tu Samatha, cũng vẫn có nội tâm tương đương với người đắc sơ thiền. Khi tắt thở, vị tam quả không thiền cũng tự nhiên có tâm sơ thiền để sinh về cõi sơ thiền. Có nghĩa từ đó giờ không có, nhưng tự nhiên tắt thở thì cái tâm sơ thiền nó để cho ông đi, ông phải đi về trên.

Tam quả không còn thích trong dục, nhưng còn thích thú trong thiền lạc nên còn có thể tái sinh các cõi Phạm thiên.

Riêng vị La-hán thì dứt luôn các phiền não còn lại là: lòng ham thích trong thiền, ngã mạn, phóng dật và vô minh. Chỉ có La-hán mới thấu suốt triệt

Đế Tứ đế, không còn sót một góc tối nào chưa thấy rõ.

Có nghĩa là vị A-na-hàm biết hết, biết đầu mình có về trên đó sống hết tuổi thọ thì mình cũng sẽ chết. Nhưng mà chỉ vì cái thấy về Tứ đế của vị ấy nó không có rõ như vị La-hán, nên cũng còn thích chút chút.

Tôi đã ví dụ rất nhiều lần: lúc mình còn nhỏ thì mình thích nhiều món đồ chơi. Lúc mình 6 tuổi, mình chơi nhiều món mà lúc 10 tuổi mình không thích nữa, nói chi là lúc 12 hay 17 tuổi. Tuy nhiên, các vị thử đi Âu Mỹ một lần các vị mới thấy. Nó có nhiều món đồ chơi cho con nít mà nó đã đời, người lớn mà nhìn còn phải mê. Tôi là ông thầy chùa đây này, nhìn giá tiền nhiều món mà mình cũng thấy run.

Có những xe cộ mà nó dùng remote bằng controller, télécommande. Đồ chơi con nít mà mình già mình còn thấy mê nữa. Có những món như bên Đức là một, Đan Mạch là hai, là vô địch thế giới về lính chì. Đức là thầy về xe lửa, xe hơi, đồ chơi trẻ con. Đồng hồ cuckoo là một, đồ chơi là hai. Mà bà con nào lọt qua Đức, nếu mà còn tí máu hoang đồng trong người, tức là già mà chưa chịu già, là mê chết luôn.

Vị A-na-hàm y chang như vậy, cái gì cũng biết hết trơn. Có bằng đại học rồi, có vợ con rồi, cái gì cũng có hết, nhưng mà nhìn đồ chơi của Đức thì cũng liếc một cái. Vị này biết rõ Tứ đế là gì, biết hết, nhưng còn một cái góc chưa thấy 100% như vị La-hán.

Các vị sẽ thắc mắc: cái Tứ đế là cái gì mà còn dư một chút, mà không chịu thấy luôn, mà còn dư một góc làm chi? Lý do rất đơn giản: do ba-la-mật nó chưa có chín muồi. Cho nên cái thấy đó trong Chú giải mới ra một ví dụ như thế này:

Trong đêm tối có một người đang đi không đèn, không đuốc, tối mịt. Bỗng nhiên trời lóe chớp lên một lần. Người đó mới nhìn thấy phía trước có hồ nước, có lâu đài. Vị ấy biết chắc trước mặt mình không phải là rừng, sa mạc, biển cả, mà là một cái lâu đài điện trang. Vừa thấy thì con đường lại tiếp tục chìm trong bóng đêm. Lần thấy thứ nhất tượng trưng cho quả vị Tu-đà-hoàn.

Người lữ khách tiếp tục đi bộ nữa thì trời nháng lên lần thứ hai. Thì những cái mà lúc này mình thấy, mình thấy thêm một lần nữa. Thì cái lâu đài kia, cái hồ nước kia, bây giờ nó đang ở kế bên mình. Nó đã gần mình một tí mà mình lại thấy thêm lần hai, thì coi như là mình thấy rõ cỡ nào. Mình càng xác quyết, mình càng khẳng định cái trước mặt của mình thực sự là cái gì.

Người này lại tiếp tục lầm lũi đi nữa thì trời nó nháng lên lần nữa. Thì các vị tưởng tượng, cái hồ nước, cái lâu đài mà mình thấy ba lần, bây giờ càng lúc nó càng gần thì mình thấy quá xá rõ rồi.

Đi một đôi nữa thì trời sáng bừng lên, bình minh ló dạng lên, thì vị này tha hồ mà nhìn. Ồ, đây là cái lâu đài xưa, kế bên có cái hồ nước, còn có chuồng ngựa nữa... Thì cái trời sáng này tượng trưng cho quả vị A-la-hán. Còn ba cái tầng thánh kia là tượng trưng cho trời chớp. Vấn đề nó nằm ở chỗ đó, thấy biết như vậy nhưng mà chưa có rõ ráo. Phải là quả vị La-hán mới thấy.

Cái quan trọng nhất mà tôi muốn nói ở đây là quả vị Tu-đà-hoàn, chứ không phải là vị La-hán. Bởi vì quả vị Tu-đà-hoàn tại sao quan trọng? Bởi vì từ phàm mà lên đến Tu-đà-hoàn nó mới khó. Chứ còn cái Tu-đà-hoàn rồi thì các vị có nằm trùm mền ngủ thì cũng đắc A-la-hán thôi. Bởi vì vị ấy không còn cái chỗ để đi nữa, gọi là Dự lưu.

Sota là dòng chảy; apanna là tham dự, góp mặt. Sotapanna là người đã tham dự vào cái dòng chảy. Có nghĩa là nước đã vô máng xối, bây giờ làm sao mà nó chảy ngược lên trên mái được đây? Nó đã vô cái máng xối, hứng nước xuống, thì nó phải xuống luôn, nó phải xuống sân thôi, bởi vì mái cao hơn máng xối mà.

Dự lưu có nghĩa là người đó đã tham dự, góp mặt vào cái dòng chảy của thánh trí, của giác ngộ. Đã bước vào đó rồi thì vị đó không còn quay lui nữa.

Vị Tam quả chưa đắc Ngũ thiên thì phải quần quanh các cõi Phạm thiên tầng thấp. Nếu đắc Ngũ thiên thì vào thẳng năm cõi Tịnh Cư. Nếu một vị A-na-hàm nắm quyền mà yếu thì tự nhiên cái tín quyền nó sẽ mạnh nhất. Còn ở vị nào tấn quyền mạnh thì năm cõi Tịnh Cư ứng với năm quyền: tín, tấn, niệm, định, tuệ.

Có nghĩa khi mình thi thẳng vào lớp 3, lớp 4 thì mình đi luôn. Còn nếu mình không thi thẳng thì mình phải đi từ lớp 1 lên. Có nghĩa có vị đi thẳng lên lớp 5, có vị đi thẳng lên lớp 3, có vị đi thẳng lên lớp 2, nhưng có vị yếu quá thì phải đi từ cõi thấp nhất đó là: Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến, Sắc Cứu Cánh.

Người đức tin mạnh thì về Vô Phiền, tinh tấn mạnh thì về Vô Nhiệt, niệm mạnh thì về Thiện Hiện, định mạnh thì về Thiện Kiến, tuệ mạnh thì về Sắc Cứu Cánh. Nếu yếu cả năm quyền thì phải sanh đủ năm cõi Tịnh Cư để trau dồi.

Tiếp theo là Kinh Trả Lời.

Có nhiều cách trả lời:

Một, trả lời đúng với câu hỏi nhưng không mạch lạc thoải mái.

Hai, lời đáp trôi chảy trơn tru nhưng nội dung không tương ứng câu hỏi.

Ba, trôi chảy mà cũng đáp ứng được nội dung.

Bốn, bập bẹ lúng túng và cũng không có được nội dung.

Kinh này sâu vì có nhiều người nghe người khác nói chuyện rất trôi chảy, suông, mượt, nghe cả buổi thì sướng thiệt, nhưng khi về không có cái gì để bỏ túi hết.

Bữa nay tôi xin nói một chuyện hơi tế nhị. Tôi sợ nhất là kiểu pháp thoại khuyến tu. Phật pháp thì thâm sâu mà không cho người ta nghe cái thâm sâu, mà cho người ta

nghe kiểu khuyến tu như là: “Ráng tu nha, đời thì vô thường”, xong rồi kể tùm lum chuyện ngoài đời. “Bây giờ biết Phật pháp rồi”, mặc dù chưa biết Phật pháp là cái gì hết, nhưng cứ nói: “Bây giờ phải ráng tu”. Quay qua nhìn mấy cụ: “Mấy cháu phải có hiếu với cha mẹ”, rồi vòng vòng như vậy...

Tôi e rằng ngoài đời có rất nhiều người như vậy: dẻo miệng một tí, cạo đầu, đắp cái y là thành pháp sư hết. Kiểu đó thì nhiều lắm. Nhưng cái khó ở chỗ là anh nói cái gì mà anh phải đổ mồ hôi, xót con mắt, nghiên cứu, tìm tòi, thì cái đó mới là giúp cho Phật pháp.

Bởi vậy cho nên trong đây Đức Phật mới dạy có bốn cách nói chuyện:

Một, có nội dung nhưng bập bẹ lúng túng.

Hai, trôi chảy suông mượt nhưng nội dung thì zero.

Ba, có nội dung và có vỏ bọc ngôn ngữ ok.

Bốn, cả hai đều không ok, có nghĩa nói ắp a ắp úng, bập bẹ mà nội dung cũng chót quớt.

Kinh này sâu vì Phật dạy ta phải ăn nói ra sao. Nếu tính điểm thì cao nhất là lưỡng toàn: nói trôi chảy và có nội dung. Kém một tí phải là có nội dung mà ắp úng, nói không hay. Hai cách còn lại là zero.

Cái nguy nhất ở đây là mình không có nội dung mà bập bẹ ắp úng thì cũng đỡ hại cho người ta.

Cái kinh hoàng nhất là không có nội dung mà lại suông sê, trôi chảy, cuốn hút, hấp dẫn. Đưa người ta vào mê lộ để người ta theo mình mấy chục năm trời, thờ phụng như ông cố nội, cuối cùng cái mà người ta có được không là bao nhiêu hết. Cái hiểu biết Phật pháp chỉ vừa đầy nửa cái lá me thôi. Cái đó là mình đang hại người ta đó.

Ngày hôm qua tôi đọc được câu nói của ông Nelson Mandela, nhà hoạt động chính trị lừng danh Nam Phi. Mấy câu nói của ông được người ta khắc lên mấy bia đá trong trường đại học ở Nam Phi. Ông nói rằng: “Muốn tấn công, muốn xóa sổ một đất nước không có cần dùng đến biện pháp mạnh như quân sự hoặc các thứ khí tài như hạt nhân, nguyên tử. Chỉ cần êm đềm, nhẹ nhàng ra một chiêu thôi là tấn công nền giáo dục của đất nước đó”. Một cái đất nước học ít mà được điểm cao. Một cái đất nước lừa lọc, gian lận.

Ổng ghi cái câu này mà tôi lạnh xương sống: “Bệnh nhân chết dưới bàn tay của các bác sĩ của nền giáo dục đấy. Các tòa nhà sụp đổ dưới bàn tay của các kỹ sư của nền giáo dục đấy. Tiền bị mất trong tay của các nhà kinh tế và kế toán của nền giáo dục đấy. Nhân loại chết dưới bàn tay của các học giả tôn giáo của nền giáo dục đấy. Công lý bị mất trong tay các thẩm phán của nền giáo dục đấy. Sự sụp đổ của giáo dục là sự sụp đổ của một quốc gia”.

Sống là trao và nhận: ta nhận được cái gì, phải chọn cái gì để nhận. Ta phải trao ra cái gì, phải chọn cái gì để trao ra.

Do vậy, các vị đừng có nói với tôi các vị không phải là pháp sư, các vị không phải là người của đại chúng, các vị không phải là người nổi tiếng, các vị là người bé mọn, là người vô danh, các vị là người thấp cổ bé miệng, các vị là người dân đen dân tím gì đó... Các vị không có trách nhiệm gì đối với thiên hạ. Điều đó là sai.

Các vị có là bà Tám bán bánh bèo hay bà Ba bán bánh lọt gì đi nữa, thì mỗi câu nói của các vị trong từng ngày nó phải có nội dung.

Bởi vì sao? Là vì cái người nghe được câu nói đó, có thể mai này họ sẽ trở thành một chính khách. Các vị đừng có nói với tôi cái câu nói của bà Tám bán bánh lọt là không có tác dụng. Không có phải đâu nha.

Cái đứa bé mà đang mặc quần xà lỏn rách mông, đang ngồi ăn chiếc bánh lọt đó, nay mai nó có bằng tú tài, vào đại học, rồi nó ra trường, rồi nó trở thành một chính khách.

Có ai ngờ rằng cái câu nói của bà Tám bán bánh lọt năm xưa giờ lại trở thành nền tảng tâm thức cho những quyết định ghê gớm của nó lên cả một quốc gia, một đất nước, một dân tộc.

Đừng có coi thường bà Tám bán bánh lọt. Đừng có coi thường vì thấy người ta nghèo, ít học, tiểu thương bán bánh đầu hẻm. Nhưng mà sai, vì cái đứa mà nghe bà ấy nói không biết mai này nó thành cái gì. Và cái gì mà nó nghe, nó đọc, nó thấy được trong lúc ấu thơ trở thành cái hành trang, cái vốn liếng cho nó mai này, quý vị à.

Các nhà nghiên cứu tâm lý học của Mỹ nói rằng: từ năm 5 tuổi đến 13 tuổi coi như là cái giai đoạn đổ móng cho tòa nhà tâm thức của mỗi đời người. Có nghĩa sau này các vị có là bác học đạt giải Nobel gì đi nữa tôi không cần biết. Tôi chỉ biết một điều là những gì mà các vị được cắt, được ghép vào cái đầu của mình từ 5 tuổi đến 13 tuổi, đó là giai đoạn ta tích góp cho cái hành trang tương lai.

Sau đó thì chúng ta có lấy bằng tú tài năm 18, thêm 4 năm đại học là 22 thì đi ra đời luôn. Nếu là làm bác sĩ thì hơi lâu, tùy quốc gia, có quốc gia 7 năm, còn ở Mỹ muốn mở phòng mạch cộng thêm thời gian thực tập thì cỡ chục năm.

Nhưng mà mình đâu có ngờ một ông bác sĩ ba mươi mấy tuổi ấy, với chừng ấy kiến thức kinh viện, bác học ở trong trường, lại suy tư, hành xử dựa trên một phần của tuổi thơ mà mình đã tích góp từ 5 tuổi cho đến 13 tuổi.

Bài kinh này nó sâu ở chỗ đó đó quý vị, chứ liếc qua bài kinh này ngắn quá có cái gì.

Kinh Lanh Trí - Ugghaṭitaññūsuttaṃ

Có 4 hạng người đến với Phật pháp:

1. Ugghaṭitaññū: chỉ nghe một thoại đầu cũng đủ chứng Thánh, như ngài Xá Lợi Phất. Ngài nghe câu: vạn pháp ở đời do duyên mà có, có rồi phải mất, sự phụ của tôi đã dạy rõ duyên sanh và duyên diệt của các pháp. Chỉ nghe nhiều đó là Ngài đã đắc.

2. Vipañcitanñū: phải được nghe cả một pháp thoại đầy đủ mới chứng Thánh. Có những người phải được nghe một bài biên biệt sơn khê về giới, định, tuệ là như thế nào; thế nào là ly dục, thế nào là sơ thiền, nhị thiền... coi như là thăm thăm triều trôi mới đắc. Phải nghe một thời pháp đủ mới chịu đắc.

3. Neyyo: phải được kèm cặp, hướng dẫn từng bước hành trì qua nhiều ngày tháng năm mới chứng Thánh. Ví dụ: phải có thiền viện, phải được cạo đầu, đắp y, mang bát, tụng kinh. Phải biết quán y, đi đứng làm sao, cư xử với mọi người sao, làm ông sư phải sao... Muốn làm hành giả là phải biết bao nhiêu điều kiện thích hợp cho hành giả. Phải biết bao nhiêu điều kiện bất lợi về vật chất, tinh thần, trú xứ, điều kiện nhiệt độ, thầy bạn, pháp môn... Dạy nhiều năm nhiều tháng với vô lượng phương tiện, cuối cùng cũng đắc nhưng mệt thầy, mệt trò.

4. Padaparamo: tối đa chỉ có thể ở mức tiếp thu chữ nghĩa kinh sách, không thể chứng Thánh.

Tùy vào thầy bạn ta gặp gỡ, tùy vào chỗ ta sinh sống, tùy vào nỗ lực tự học của bản thân, tùy vào tiền nghiệp quá khứ mà ta có kiểu tu hành thế nào và khi gặp Phật pháp ta thuộc nhóm người nào trong 4 nhóm vừa kể.

Kinh Nỗ Lực - Uṭṭhānaphalasuttam

Trước khi giảng tôi muốn hỏi bà con. Bà con có nghe câu bên Tàu là: “Đại phú do thiên, tiểu phú do cần” không? Đại phú do thiên tức là giàu lớn thì nhờ trời, nói theo Phật giáo là do nghiệp. Còn tiểu phú do cần nghĩa là: số mình nghèo nhưng mình ráng làm trâu làm bò thì mình cày khá khá nó cũng có chút đỉnh của ăn của để. Nội dung bài kinh này cũng vậy.

Ở đời này có 4 hạng chúng sanh:

1. Sống nhờ vào sức nỗ lực hiện tại như đa phần nhân loại: giống này tôi có nói câu “Đại phú do thiên, tiểu phú do cần”. Phải siêng thì mới có cái vô môn chứ ngồi

không ai mà nuôi.

2. Sống nhờ vào kết quả nỗ lực của kiếp trước như các vị trời. Trên đó không có vụ mồ hôi mồ kê, hì hà hì hục, làm lụng tay chân.

3. Có người sống nhờ phước kiếp trước mà đời này cũng phải nỗ lực thêm, đó là những người ta gọi là hữu phúc trong nhân loại. Thí dụ như mình thấy mấy ông đại gia nhà lầu xe hơi, sung sướng, đâu phải ai cũng đi làm ăn được như mấy ông. Đâu phải ai cũng tính toán thông minh mà giàu như nhau.

Trong 100 người có tài làm đại gia thì chỉ có một phần trong đó là trở thành đại gia. Bởi vì họ cũng nỗ lực như người ta nhưng mà không có phước quá khứ.

Ngược lại, có những ông hưởng được cái phước cũ nhưng đồng thời mỗi đêm thức đến 2 giờ sáng để coi sổ sách công ty. Có những người 50 tuổi có dưới tay mấy ngàn nhân viên, nhưng mà kiếm được bữa ăn đàng hoàng như người ta không có. Đang ăn thì điện thoại reo liên tục, nhân viên đưa vô một đồng giấy ký. Đến bữa ăn cũng không yên, bởi vì có những cuộc điện thoại rất quan trọng mà mình phải trả lời trong cái lúc mà mình đang trong toilet, thậm chí trong buồng ngủ cũng phải trả lời. Bởi vì công việc làm ăn, ai mà ngồi chờ quý vị xong việc rồi người ta mới gọi, cái chuyện đó là không có.

Bốn hạng người

4. Có chúng sanh không có phước xưa, mà hiện tại cũng không thể nỗ lực để mình khá hơn, chẳng hạn chúng sanh bốn cõi địa. Các vị tướng tượng, ở trong địa ngục các vị có nỗ lực cách mấy, cái phước khi quý vị ở địa ngục tạm thời nó không có.

Nói chúng sanh ở cõi địa ngục không có phước chỉ là ngay lúc đó thôi. Ngay lúc đó thì không có cái phước nào nó chen vô đó được hết. Chứ còn khi họ trở lên, phước quá khứ từ vô lượng kiếp xưa xưa xưa thì có. Lúc đó họ không thể trông cậy vào phước quá khứ, cũng như không thể trông cậy vào phước hiện tại.

Như vậy ở đây mình có tất cả là bốn hạng người. Nhưng mà đừng nghĩ trong kinh nói cái chuyện trên mây. Xin hỏi chúng ta có nằm ở trong bốn hạng này không? Đương nhiên là có rồi.

Kinh Có Tội

Tiếp theo là Kinh Có Tội.

Có bốn hạng người: có tội, nhiều tội, ít tội và không có tội.

1. Chỉ cần tam nghiệp bất thiện thì gọi là có tội.
2. Làm nhiều trọng nghiệp bất thiện thì gọi là tội nhiều.
3. Tam nghiệp bất thiện chỉ ở mức nhỏ nhoi không đáng kể, việc nhỏ, tâm nhẹ, đối tượng không đức độ.
4. Người không còn một tí tội lỗi nào trong tam nghiệp.

Trọng nghiệp dầu thiện hay ác, những gì ta thực hiện bằng một tâm trạng dốc sức, cố ý, đối với đối tượng đức độ hoặc đối tượng tập thể, và hậu quả của hành động quá lớn. Trong kinh này không nói tới cái thiện mà nói tới cái bất thiện.

Tam nghiệp được điều động bởi tham, sân, si thì đã là tội lỗi. Còn khinh nghiệp hay trọng nghiệp thì phải tùy thuộc vào ba điều kiện vừa kể trên:

1. Mình thực hiện với tâm trạng dốc sức, cố ý.
2. Đối tượng nhắm tới là tập thể hoặc đức độ. Nếu là một cá nhân không đức độ thì nó đỡ, còn đằng này một cá nhân mà có đức độ là mệt mỏi lắm. Còn không nữa là một tập thể không có đáng gì, nhưng mà đã đụng vào quyền lợi của đối tượng tập thể thì tội nó lớn lắm.

Ví dụ: Tôi đi ngang nhà thẳng, tôi thò tay tôi giật cái dây chuông mạnh tay quá, nó đứt cái dây chuông đi. Cái tội đó nó nhẹ hơn là cũng làm đứt cái sợi dây nhưng ở chỗ

công cộng. Người ta dùng sợi dây để người ta ràng hay cột cái gì đó ở cái chỗ công cộng. Cũng là cái sợi dây kẽm thôi, y chang nhau, mua cùng một chỗ luôn, nhưng cái kia là tài sản của thằng Tèo hay thằng Tý. Nhưng cái tội đó nó nhẹ hơn là của công.

3. Hậu quả của hành động đó. Ví dụ như ông Devadatta.

Trong kinh ghi rất rõ, ông Devadatta ổng lăn cái tảng đá đó. Nếu mà hôm ấy Thế Tôn không có bị chảy máu thì cái tội khác. Còn hôm đó vì Đức Thế Tôn bị đập ngón chân cái rất là đau đớn.

Cho nên việc thiện cũng y chang như vậy. Mình làm cầu, đường, giếng nước, bắt mấy cái nhà tắm, trại điện, cúng dường computer cho mấy học viện, thiền viện... Đặc biệt là cầu, đường, giếng nước phước nhiều là bởi vì đối tượng mình nhắm đến đó là tập thể. Thêm nữa, lợi ích của công việc đó, lợi ích của cái giếng phải nói là quá lớn. Không biết mấy ngàn, mấy triệu người sử dụng cái giếng đó trong tương lai. Nhờ có cái giếng đó mà trong những buổi trưa hè nóng nực, người ta có cái để tắm, giặt, nấu nướng...

Đừng có nói: “Tôi nghèo, tôi không có tiền”, đừng có nói như vậy. Mình phải nhớ Bác Hồ dạy: “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ, tùy theo sức của mình.” Bà con cứ để dành tiền nuôi heo đất, lâu lâu khoảng một năm, hai năm. Qua Miến Điện hoặc gửi người nào mình tin, cúng cho mình một cái giếng, quay phim, chụp hình luôn. Để cái tên gì đó để ngay cái giếng.

Thay vì mình để tấm hình của mình phấn son thì mình để cái tấm hình đó treo trong nhà. Đặng mỗi ngày để nhìn cái giếng thì sung sướng. Mỗi lần sung sướng như vậy là công đức vô lượng luôn, là bởi vì biết bao nhiêu người đang sử dụng cái giếng đó.

Tôi từng đến Mandalay, tôi từng nhìn thấy cả 20 ông sư nhỏ bu quanh một cái giếng. Mà trưa nắng trào máu, mấy chả mức nước xối lên người. Lát sau có ông sư to bự lù lù tiến tới, mấy ông nhỏ dạt hết để cho mấy ông sử dụng cái giếng đó.

Tôi nhìn tôi thấy mỉm cười. Bên Tàu có một câu là: “Đại bàng lai đáo tiểu bàng phi. Thượng tọa đi đến thì tiểu đức đi.” Có nghĩa con đại bàng mà đi đến thì mấy con tiểu bàng nó dọt đi hết.

Mình nhìn mình mỉm cười mà mình thấy thương là vì gia tài chùa có cái giếng không à. Mà một trăm mấy chục vị biết làm sao, thì giấc trưa là mấy cha nhỏ ra, mấy chả dọc nước, mấy chả tắm, mấy chả giặt giũ, tới hồi mấy sắp bự tới là mấy chả biến hết.

Lúc đó tôi nghĩ cái chùa này với cái lực lượng như vậy, chưa kể cư sĩ nha. Nói thiệt, cái trường Tam Tạng ở Mandalay mà mình cho họ ba cái giếng cũng không có dư nữa, nói gì là một cái. Rồi bao nhiêu nước dơ nó đổ ngược lại cái giếng rồi móc lên xài tiếp. Rồi đừng có trách vì sao bị lác, bị hắc lao, gãi cả làng luôn. Bởi vì tắm gội xong ở trên rồi nó chảy xuống trở lại. Lác khô đi trước, lác ướt đi sau, hai lác gặp nhau tha hồ mà gãi. Thấy thương lắm cái vị.

Do vậy, trọng nghiệp thiện ác là gồm ba yếu tố:

Tâm trạng của người thực hiện.

Đối tượng đức độ hay không có đức độ.

Cái hậu quả, tác động mà công việc ấy mang lại nó lớn hay bé.

Trong kinh mới nói vì đâu mà mình cúng dường cho vị thánh vừa mới xả Thiền Diệt là vô lượng công đức. Là bởi vì cái vị này đã nhịn đói một tuần lễ. Cơ thể vị này lúc ấy đang suy kiệt toàn tập. Mặc dù nói năng lực thiền định gì đi nữa nhưng cái xác vẫn là xác thịt mà. Thánh là thánh cái tâm, chứ còn cái thân cũng là xác nhân loại thôi.

Mà mình tưởng tượng bảy ngày không ăn, không uống, không thở thì thân xác nó kỳ dữ lắm. Cho nên kẻ nào mà cúng dường một muống cơm cho vị thánh xả Thiền Diệt thì coi như cứu mạng vị ấy. Bữa ăn ấy không phải là bữa ăn bố thí bình thường mà là bữa ăn cứu mạng, nhờ cái bữa ăn ấy mà vị ấy sống tiếp.

Do đó, vì đâu mà trong kinh nói cúng dường cho vị Thánh xả Thiền Diệt là công đức vô lượng? Là như vậy đó.

Trong kinh nói vị Tứ Vô Lượng Tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả, mà mình cúng dường cho vị ấy là công đức vô lượng. Vì sao? Là vì trong lòng vị ấy, ngay lúc ấy, không phải chỉ có một người mà là vô lượng chúng sinh. Ta bé mọn vì trong tim ta chỉ có mình hay người phe ta. Hiền thánh vĩ đại vì trong tim họ là vô lượng vũ trụ và tất cả chúng sinh. Chỉ nhớ bao nhiêu đây thôi là lạnh xương sống. Từ đó nó mới dẫn tới cái chuyện là công đức vô lượng.

Có người không tạo trọng nghiệp ác nhưng tạo trọng nghiệp thiện. Có người không tạo trọng nghiệp thiện lại tạo trọng nghiệp ác. Riêng La-hán thì không còn tạo nghiệp nữa, vì người hiểu rõ Bốn Đế thì không còn điều kiện tâm lý để tạo nhân sinh tử.

Ta có tội hay không tội là phải nhớ cái này. Ta đã học kinh này ở phần trước:

Có người một tí công đức giống như năm muối trong chén nước.

Có người bao nhiêu công đức cũng chỉ như năm muối bỏ sông.

Có người một tí tội lỗi cũng có tác dụng như năm muối trong chén nước.

Có người lỗi lầm lớn bao nhiêu cũng chỉ như năm muối liệng sông.

Ngài Vô Nãi trước khi chứng Thánh giết hàng trăm người, sau đó chứng La-hán rồi Niết-bàn luôn, coi như là xù nợ. Người ít phước, một tí ác nghiệp cũng đủ đưa họ sa đọa.

Trong kinh có ghi, trên đời có các hạng người sau đây:

Phước nhiều hơn tội: là công đức họ nhiều quá, một chút xíu nghiệp ác giống như miếng muối mà mình thả vô hồ nước, thả xuống sông, vì không có nghĩa lý gì hết. Trong kinh nói hạng người này lúc cận tử, lâm chung, vị này dễ lắm, không cần ai tụng niệm họ, chỉ cần ai đó nhắc nhẹ một câu là tự họ đi lên.

Phước tội tương đương: 50/50, dĩ nhiên này là năm ăn năm thua.

Tội nhiều hơn phước: thì cái sự hộ niệm cho họ phải nhiều hơn, kể cả cái người đức độ ghê gớm lắm mới có thể tạo ra cái tác động đủ mạnh để giúp họ. Riêng cái hạng này thì khó lên lắm. Chỉ trừ ra được sự gia trì của một nhân vật đức độ ngang trời chứ không phải tầm thường.

Trong kinh kể Ngài Xá-lợi-phất có một người đệ tử làm nghề đao phủ. Khi ông sắp chết thì ông sợ lắm, ông mới cho người nhà tới thỉnh Ngài tới. Ngài Xá-lợi-phất có một A-tăng-kỳ ba-la-mật, Ngài có đức độ, có trí tuệ, có phước báu của một vị đệ nhất tinh văn. Ngài dùng cái đức độ của Ngài để kích động tư tưởng của ông theo hướng tích cực. Ngài rải tâm từ là ông nghe ông thấy mát rồi. Cái ánh mắt, nụ cười của Ngài là ông tự nhiên thấy yên liền. Bây giờ trời có sập xuống thì cũng là đắp mền thôi.

Ông hỏi:

“Cả đời con cứ chặt đầu người ta, bây giờ con sợ quá.”

Thì Ngài không nói gì ngoài ra câu hỏi:

“Việc đó là do ông làm hay người khác kêu ông làm?”

Thì ông nói:

“Dạ, do người khác kêu con.”

Ngài nói:

“Bây giờ ông đừng nghĩ đến chuyện đó nữa mà hãy nghĩ tới chuyện khác.”

Chứ còn nhiều vị kể nói Ngài nói không có tội là không có đúng. Mà Ngài nói ông hãy nghĩ đến chuyện khác, đừng có nghĩ đến chuyện đó nữa.

Thì các vị biết, cả đời đi chặt đầu người ta mà. Nhưng mà người hộ niệm cho ông lại là Ngài Xá-lợi-phất. Mà tôi dùng chữ “hộ niệm” là từ của bây giờ. Chứ đúng ra chữ

hộ niệm ở đây là mình giúp đỡ cái người ra đi bằng cái sự nhắc nhở. Chứ mà còn họ đã hôn mê rồi thì coi như hết phim.

Đồng thời nhớ rằng thời Phật không có chuyện cầu an, cầu siêu.

Thứ nhất là cầu siêu: bởi vì thời Phật nghe ai mất là Phật biết họ đi đâu rồi, cầu là cầu cái gì? Họ đi với nghiệp của họ thì làm sao mà Ngài giành với nghiệp được.

Thứ hai là cầu an: đã là bệnh nghiệp thì đâu có cầu cỡ nào nó cũng không hết. Nếu nó là cái bệnh tào lao, bệnh thời khí, thì cứ cho nó uống đúng thầy đúng thuốc là tự nhiên nó hết thôi. Nếu đúng là bệnh do nhân hiện tại thì coi như ok. Còn mà do bệnh nghiệp, bệnh căn là thua. Ngay cả Đức Phật mà còn phải bị bệnh kiết lỵ trước khi mất. Ngài Xá-lợi-phất cũng phải kiết lỵ trước khi mất. Vô vàn những người khác như Vua Tịnh Phạn, công đức trùng điệp thì cũng phải bị bệnh chút đỉnh mới chịu chết, chứ đâu phải tự nhiên khơi khơi mà mất đâu. Nó phải có đảo chánh, nó phải có soán ngôi, chứ đâu phải tự nhiên ngon lành rồi lăn ra chết sao mà được.

Sẵn tôi nói luôn với bà con cái chuyện tôi đang làm ráo riết bao nhiêu năm qua. Đó là sống lâu hay mau không quan trọng, mà chỉ cần chết sạch, chết yên và chết tỉnh. Bà con nhớ nha! Con không có cầu sống lâu mà chỉ cần con đi cho nó ngọt. Ngọt ở đây chính là: chết sạch, chết yên và chết tỉnh.

Chết sạch là đừng có hôi hám, tanh tưởi, khổ mình, khổ người.

Chết yên là đừng có giãy giụa, quằn quại, rên siết.

Chết tỉnh là đừng có hôn mê, nói năng quàng xiên, bậy bạ. Thấy rõ mình yếu lắm rồi, đang leo lét. Cứ vậy, biết mình hơi thở ra biết ra, vào biết vào, không sợ hãi, không tiếc nuối, không hờn giận, không nhớ thương. Biết rằng đã đến lúc phải đi. Năm xưa ta cũng từ đâu đó, cũng ngáp ngáp như vậy rồi đi vào bụng mẹ. Rồi mấy mươi năm sau, bây giờ ta cũng nằm đây, cũng ngáp ngáp để đi về một phương nào đó.

Lúc cận tử hãy nhớ điều này: “Mấy mươi năm trước cũng giống như vậy trước khi vào bụng mẹ, nay ta trở lại tình trạng đó để đi về nơi khác. Cái chết không phải là sự kết thúc mà còn là sự bắt đầu.”

Nghĩ vậy thì mình cũng bớt tiếc nuối và sợ hãi. Và phải tin một điều là phải phước báu ghê gớm lắm mình mới gặp được Tam Bảo, mình mới có niềm tin vào Tam Bảo, mình mới hiểu được Phật pháp.

Đó là lý do phải học giáo lý, quý vị à. Phải học giáo lý mới làm được cái chuyện tôi vừa nói. Tại vì cái người có phước báu họ mới hiểu được đạo. Chứ mà cứ đi vô chùa cắm đầu làm phước, nghe quyên góp kêu gọi thì móc túi ra... Lúc mình còn sống thì ok, nó ngon lành lắm. Chứ mà tới hồi ngáp ngáp, mà Phật pháp coi như rỗng không. Trong đầu mình coi như không có một chữ hay kinh điển giáo lý gì hết thì mệt lắm.

Trong khi nếu mình có một thời gian học Phật pháp thì tới lúc chết mình mới có chỗ dựa. Mình cứ nghĩ thế này: tôi không phải là người vô phúc, bởi vì nếu tôi vô phúc thì tôi không thể gặp được Chánh pháp, tôi không được học Chánh pháp, tôi không được nhớ Chánh pháp. Cho nên từng ngày, từng buổi mà ta học kinh tạng đây nè, nó chính là những buổi cầu siêu cho chính mình đó, quý vị biết không. Đây là thường nghiệp đó. Cứ một tuần mà làm bốn buổi như thế này, nó chính là thường nghiệp, nó là cầu an cũng.

là cầu siêu cho chính mình.

Đừng có nghĩ là vô đây cho đỡ buồn. Cái đó là vô mình, là u mê, là đần độn mới nghĩ như vậy.

Phải nói, cứ một tuần mà học được bốn ngày, một tháng các vị có mười sáu ngày, mà mười tháng là các vị có một trăm sáu mươi ngày. Các vị tưởng tượng đi, còn hai tháng kia coi như bỏ. Một năm mà mình lấy mười tháng thôi, là một năm các vị được một trăm sáu mươi buổi học kinh tạng. Các vị tưởng tượng mười năm là bao nhiêu? Là một ngàn sáu trăm buổi. Cái đó cũng là cái trọng nghiệp thiện đó chứ.

Sẵn đây tôi nói luôn, bà con nào mà thỉnh được tăng ni được thì phải hỏi. Hỏi bây giờ má muốn nghe hay không? Má muốn nghe cái room nào thì mở ra cho má nghe. Rồi má vừa nghe, ngáp ngáp, tay bắt cánh chuồn, xong rồi má nghe room nào má khoái thì cứ cho má nghe người ta giảng. Không thì mình phải order, đặt hàng: “ Sư, bữa đó Sư giảng về Tích Phật hay là pháp môn Tứ Niệm Xứ gì đó...” Tới ngày thì con mở cho má nghe.

Nghe live thì nó khác, mà nghe ngүй thì nó khác. Nghe live thì nó mới mạnh, bởi vì Sư đang nói nhắm tới mình mà. Ồng vì mình mà ồng nói, cho nên lực tác động nó mạnh hơn. Coi như cái này là cầu an tele đó, nghĩa là cầu từ xa. Dù Bắc Âu, Nam Phi gì đi nữa thì mình vẫn có thể cầu nguyện bằng cách này.

Tôi có đọc cái quyển Chicken Soup for the Soul của Mỹ, có bài viết mà tôi mê lắm. Tức là có mấy hội thánh Tin Lành bên Mỹ. Mỗi lần member trong hội thánh đó mà có chuyện buồn hay tang gia bối rối gì đó, hoặc thất tình, mất tiền, bệnh hoạn gì... thì họ sẽ hẹn nhau một chỗ gì đó. Cái người mà gặp chuyện sẽ ngồi chính giữa, và tất cả member khác ngồi chung quanh, tay nắm tay đọc kinh. Tôi mê cái đó lắm. Tại sao Chúa hay như vậy mà Chùa không bắt chước?

Thì thôi, coi như có em nào bệnh hoạn, sợ hãi, ung thư, đau bệnh gì nặng nề... thì cứ đám đông, từ xa cũng được. Xa thì nó mở lên cái màn hình bự như thế này, mỗi người nói một câu, mà nhớ tránh mấy bà tám, bà mà nói tầm bậy tầm bạ thì thôi. Chỉ nói cái gì cần thiết.

Đây là cách hộ niệm mà tôi mong sau này tôi sẽ lập một hội gọi là hội hộ niệm Liên Châu. Có nghĩa là bà con có thể chia sẻ cho nhau. Ai có bao nhiêu những tâm tình uẩn ức, thất tình, sợ ma cũng được nữa. Mở màn hình lên: “Bây giờ em đang ở trong căn nhà có một mình, em sợ, xin đại chúng quờn gia trì cho em.” Coi như mọi người thức khuya cứ mở cái màn hình trên đó. Thì người ta cũng ăn uống, khi mà người ta nhìn cái phòng của mình trong cái màn hình thì tự nhiên mình hết sợ à. Tại vì mọi

người đang nhìn mình ngủ mà. Mình ngủ trong niềm gia trì, sự chia sẻ, san sẻ của bà con, tự nhiên mình cũng hết sợ.

Chúc quý vị một ngày vui. Hẹn gặp lại ngày mai.